

Số: 2613/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực đấu thầu và lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 67/TTr-SKHĐT ngày 10/9/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục: 03 (ba) thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực đấu thầu, 25 (hai mươi lăm) thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Mục V thuộc Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 17/8/2009; Mục I, Mục II, Mục IV thuộc Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2327/QĐ-

UBND ngày 26/8/2016; Mục I, Mục II thuộc Phụ lục I kèm theo Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 07/12/2016; Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *gong*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT. *ve*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Khắc Thận*  
**Nguyễn Khắc Thận**



Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐẦU THẦU VÀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>					
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày; - Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình	Không	Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.		Không	
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày		Không	

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	15 ngày làm việc; riêng dự án có tổng vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng trở lên: 25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (dự án không thuộc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	47 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (dự án không thuộc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội		Không	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh: 15 ngày làm việc; riêng dự án có tổng vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng trở lên: 25 ngày làm việc; - Đối với dự án thuộc thẩm quyền của TTCP: 42 ngày làm việc		Không	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	

6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh: 18 ngày làm việc; riêng dự án có tổng vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng trở lên: 28 ngày làm việc;</li> <li>- Đối với dự án thuộc thẩm quyền của TTCP: 50 ngày làm việc</li> <li>- Đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội: Theo chương trình và kỳ họp của Quốc hội</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc; riêng dự án có tổng vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng trở lên: 23 ngày làm việc		Không	

10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	- 06 ngày làm việc đối với dự án không thuộc diện quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư; - 18 ngày làm việc đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh - 45 ngày làm việc đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ		Không	
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngay khi NĐT nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Không	
17	Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	

18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thái Bình	Không	Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ		Không	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
21	Chấm dứt hoạt động VP điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Không quy định		Không	
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	